

## **Bài 12**

# **CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)**

### **Tiết 1 TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**

#### **I. MỤC TIÊU**

Sau bài học, HS cần :

##### **1. Kiến thức**

- Biết và hiểu được đặc điểm quan trọng của tự nhiên và dân cư Trung Quốc.
- Biết được những thuận lợi, khó khăn của tự nhiên và dân cư đối với sự phát triển đất nước Trung Quốc.

##### **2. Kỹ năng**

Sử dụng bản đồ (lược đồ), tư liệu trong bài, liên hệ kiến thức đã học để phân tích đặc điểm tự nhiên, dân cư Trung Quốc.

##### **3. Thái độ**

Có thái độ xây dựng mối quan hệ Việt – Trung.

#### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT**

- Bản đồ Địa lí tự nhiên châu Á (hoặc bản đồ Các nước châu Á).
- Tập bản đồ Thế giới và các châu lục.
- Một số ảnh về cảnh quan tự nhiên tiêu biểu của Trung Quốc.
- Một số ảnh về con người và đô thị Trung Quốc.

#### **III. TRỌNG TÂM BÀI**

- Đường bờ biển kéo dài tạo thuận lợi cho giao lưu với nước ngoài.
- Sự khác biệt giữa miền Đông và miền Tây về mặt tự nhiên và phân bố dân cư.
- Thuận lợi và khó khăn do các đặc điểm tự nhiên và dân cư mang lại đối với sự phát triển đất nước.

#### IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*Định hướng bài học* : GV liên hệ với một sự kiện kinh tế – xã hội hoặc quan hệ ngoại giao của Trung Quốc để dẫn tới bài học về Trung Quốc.

##### **Mục I. Vị trí địa lí và lãnh thổ**

*Hoạt động 1* : Tìm hiểu vị trí địa lí và lãnh thổ

GV có thể dùng phương pháp thông báo, cung cấp các thông tin để HS biết được vị trí địa lí, lãnh thổ rộng lớn và ảnh hưởng của chúng đến điều kiện khí hậu, sự đa dạng của tự nhiên Trung Quốc ; đến những thuận lợi của việc mở rộng quan hệ với những quốc gia, khu vực có kinh tế đang phát triển nhanh. GV có thể tạo điều kiện cho HS làm việc như sau :

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm. GV cung cấp cho HS số liệu diện tích của LB Nga (khoảng 17,07 triệu km<sup>2</sup>), Ca-na-đa (khoảng 9,97 triệu km<sup>2</sup>), Hoa Kỳ (khoảng 9,63 triệu km<sup>2</sup>) và của Trung Quốc, yêu cầu HS so sánh để thấy được sự rộng lớn của lãnh thổ Trung Quốc, có thể so sánh thêm với Việt Nam (khoảng 330 nghìn km<sup>2</sup>).

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm với lược đồ trong SGK kết hợp sử dụng bản đồ treo tường hoặc tập bản đồ để xác định vị trí địa lí của Trung Quốc : toạ độ địa lí (để suy ra đặc điểm khí hậu) ; các nước láng giềng, đường bờ biển kéo dài và trao đổi về ảnh hưởng của vị trí địa lí, quy mô lãnh thổ đối với thiên nhiên Trung Quốc (cảnh quan ôn đới, cận nhiệt đới ; sự khác biệt giữa vùng ven biển và vùng nội địa,...) và về ý nghĩa kinh tế của các đặc điểm đó.

– GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS nhắc lại các ý chính của mục I, sau đó nhận xét, bổ sung và chốt lại ý chính.

##### **Mục II. Điều kiện tự nhiên**

*Hoạt động 2* : Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên

GV cho HS làm việc theo từng cặp. GV hướng dẫn cho HS xác định kinh tuyến 105° Đông, có thể cho HS kẻ bằng bút chì theo kinh tuyến 105°Đ trên SGK để phân biệt miền Đông và miền Tây. Sau đó, HS làm việc với nội dung của bài để trả lời các câu in nghiêng trong mục này. Để thuận tiện cho HS giải quyết từng câu hỏi, GV có thể tách ra thành các câu hỏi nhỏ và ghi trên bảng, ví dụ :

– Địa hình miền Đông (Đ) : *thấp, chủ yếu là đồng bằng phù sa châu thổ màu mỡ : Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam,....*

– Địa hình miền Tây (T) : *cao, các dải núi lớn, cao nguyên và bồn địa* : Thiên Sơn, Côn Luân, Nam Sơn, Thanh Hải, Tây Tạng, bồn địa Ta-rim, Duy Ngô Nhĩ,...

– Khí hậu Đ/T : .....

– Sông ngòi Đ/T : .....

Một số HS đọc nhanh kết quả làm việc, các HS khác nghe và đánh giá. GV có thể yêu cầu 1 hoặc 2 HS so sánh kết quả của nhóm khác và tự đánh giá kết quả của nhóm mình.

HS cần nêu được sự khác biệt về địa hình, khí hậu (Đ : đồng bằng, đồi núi thấp ; khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa, lượng mưa tương đối lớn ; T : chủ yếu núi, cao nguyên và bồn địa ; khí hậu ôn đới lục địa khô hạn khí hậu núi cao) ; sông ngòi (Đ : hạ lưu các sông lớn, dồi dào nước ; T : đầu nguồn các sông tập trung ở một vài vùng núi và cao nguyên, ít sông) có thể cả cảnh quan của miền Đông (rừng và các khu vực đã được khai thác để sản xuất nông nghiệp) so với miền Tây (rừng, đồng cỏ xen nhiều vùng hoang mạc và bán hoang mạc).

HS cần nêu được tác động tích cực của những điều kiện tự nhiên trên đối với kinh tế (đồng bằng phù sa màu mỡ, nguồn nước phong phú, khí hậu thích hợp cho trồng cây ôn đới ở phía bắc, cây cận nhiệt ở phía nam ; tài nguyên khoáng sản với nhiên liệu, quặng sắt ở phía Bắc, quặng kim loại màu ở phía nam phục vụ cho công nghiệp của miền Đông ; đồng cỏ chăn nuôi gia súc, khoáng sản cho công nghiệp của miền Tây) và những khó khăn đối với phát triển kinh tế (lãnh thổ rộng lớn khô hạn ở miền Tây, bão lụt ở đồng bằng Hoa Nam...).

### **Mục III. Dân cư và xã hội**

*Hoạt động 3* : Tìm hiểu về dân cư và xã hội.

GV có thể áp dụng phương pháp thông báo thông tin của mục này cho cả lớp, kết hợp yêu cầu cho từng HS sử dụng bảng 12.1 và biểu đồ Dân số Trung Quốc giai đoạn 1949 - 2005, lược đồ Phân bố dân cư Trung Quốc trong SGK để tự rút ra nhận xét về :

– Sự gia tăng dân số rất lớn của Trung Quốc trong khoảng thời gian từ năm 1949 đến năm 1975 (đường đồ thị dốc).

– Mức độ giảm gia tăng dân số trong vòng 30 năm gần đây (tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm chỉ còn 0,6%, đường đồ thị bớt dốc) ; dân số nông thôn tăng chậm, dân số đô thị tăng nhanh.

– Sự tập trung dân cư đông đúc ở miền Đông, nhất là trên các đồng bằng châu thổ và vùng ven biển. Các thành phố lớn cũng tập trung ở đây.

Tiếp sau đó, GV phân tích cho HS thấy được lí do của việc giảm tốc độ gia tăng dân số, cần đề cập đến cả mặt trái của chính sách dân số ngặt nghèo của Trung Quốc, dẫn đến sự mất cân bằng về giới, số lượng nam có xu hướng lớn hơn số lượng nữ ; đề cập đến chính sách giáo dục và kết quả của nó là đã tạo nên đội ngũ lao động có chất lượng.

Cuối cùng GV có thể cho HS trao đổi theo nhóm hoặc cả lớp về những dẫn chứng của những phát minh cổ, trung đại Trung Quốc, căn cứ vào bảng thống kê các phát minh lớn có ý nghĩa đối với thế giới của Trung Quốc trong SGK và căn cứ vào kiến thức HS đã học trong môn lịch sử về nền văn minh cổ đại Trung Quốc.

Cuối giờ, GV cần yêu cầu HS nêu tóm tắt các ý chính của cả bài.

GV có thể chốt bài với ý : Trung Quốc với các tiềm năng về thiên nhiên và con người của mình đang phấn đấu vươn lên tham gia vào hàng các quốc gia có nền kinh tế chiếm vị trí hàng đầu thế giới để gọi mở cho bài mới sắp tới.

## V. THÔNG TIN

### 1. Trả lời câu hỏi khó trong SGK

*Câu 1.* GV cho HS sử dụng lược đồ (bản đồ) để nêu được các đồng bằng ở miền Đông, các dãy núi, cao nguyên, bồn địa ở miền Tây.

*Câu 2.* HS cần liên hệ những yếu tố ảnh hưởng tới đặc điểm phân bố dân cư như địa hình, khí hậu, nguồn nước,... để giải thích sự phân bố dân cư rất chênh lệch giữa các miền của Trung Quốc.

*Câu 3.* HS cần phân tích được một số tác động tích cực như giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên, dân số dần tiến tới sự ổn định,...và tác động tiêu cực đến tình hình dân số như sự chênh lệch về giới trong dân cư.

### 2. Thông tin bổ sung

– Về tài nguyên thiên nhiên, Trung Quốc tự đánh giá là không thật đầy đủ cho phát triển kinh tế đất nước, mặc dù trữ lượng của nhiều loại khoáng sản là rất lớn, ví dụ :

- + Than, trong đó than đá 296 tỉ tấn, tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc ;
- + Dầu mỏ 3 tỉ tấn, chủ yếu ở vùng phía Bắc, Đông Bắc, Tây Bắc ;
- + Khí tự nhiên 200 tỉ m<sup>3</sup> ở Đông Bắc, Tây Bắc ;
- + Quặng sắt 40 tỉ tấn ở Đông Bắc, Nội Mông, trung lưu Trường Giang ;

+ Kim loại màu quý hiếm ở miền núi phía nam Trường Giang ;

+ Nguồn thủy điện tại thượng lưu, trung lưu các sông lớn (hiện Trung Quốc đã đưa vào vận hành nhà máy thủy điện Tam Hiệp lớn nhất thế giới trên sông Trường Giang).

– Về dân số, Trung Quốc đã thực hiện tốt kế hoạch hoá dân số. Tuy vậy, với số dân trên 1,3 tỉ người, Trung Quốc vẫn là quốc gia đông dân nhất thế giới. Dân số đông tạo áp lực nghiêm trọng cho việc đào tạo nghề và chuẩn bị việc làm. Nếu không giải quyết được việc này thì áp lực dân số sẽ hạn chế tốc độ phát triển kinh tế. Tình trạng gia tăng người thất nghiệp (do không tìm được việc làm và do phải thôi việc) phản ánh phần nào tác động tiêu cực của sự gia tăng dân số. Dân số quá đông còn dẫn tới việc giải quyết tình trạng đói nghèo sẽ gặp khó khăn hơn do số lượng người nghèo là quá lớn...